

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CUM'GAR  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/DS-ST

Ngày 27 – 01 - 2022

*V/v: tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CUM'GAR**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Huyền Diệu

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Cao Thị Hồng Châu

2. Ông Nguyễn Văn Mạnh

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cum'Gar

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cum'gar tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Mỹ Châu – Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 01 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Cum'gar xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 237/2022/TLST - DS ngày 10 tháng 5 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2021/QĐXXST- DS ngày 24 tháng 12 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐST – DS ngày 11 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1969

Trú tại: Tổ dân phố T, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đinh Thị V, sinh năm 1993 – Có đơn xin xét xử vắng mặt

Trú tại: 79 T, phường T1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Văn M, sinh năm 1966 – vắng mặt

Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1965 – vắng mặt

Trú tại: Thôn S, xã M, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn bà Đinh Thị V trình bày:*

Ông Nguyễn Ngọc T chỉ có mối quan hệ quen biết vay mượn với vợ chồng ông Phạm Văn M và bà Nguyễn Thị L. Do cần tiền để đáo hạn ngân hàng nên vào ngày 07/01/2021 ông Phạm Văn M và bà Nguyễn Thị L có đến nhà ông T vay số tiền 280.000.000đ thỏa thuận lãi suất theo quy định của pháp luật, thời hạn vay là 03 tháng sẽ hoàn trả số tiền trên cho ông T, không thế chấp tài sản gì, sau khi nhận đủ tiền ông M và bà L có viết xác nhận vào giấy vay tiền theo mẫu bên ông T cung cấp. Đến hạn trả nợ ông T đến nhà đòi nhiều lần nhưng ông Phạm Văn M và bà Nguyễn Thị L không trả. Nay ông T làm đơn khởi kiện yêu cầu ông Phạm Văn M và bà Nguyễn Thị L phải trả cho ông T số tiền gốc là 280.000.000đ và lãi suất 10%/năm kể từ ngày 07/01/2021 đến khi ông M và bà L thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

Tòa án đã tổng đạt giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, ông Phạm Văn M và bà Nguyễn Thị L đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai, mở phiên họp vắng ông M và bà L và không hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đối với Thẩm phán: đã tuân thủ cơ bản đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tuy nhiên còn vi phạm thời hạn đưa vụ án ra xét xử.

Đối với Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Bị đơn không thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 280; 463; 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc ông Phạm Văn M và bà Nguyễn Thị L trả nợ cho ông Nguyễn Ngọc T số tiền nợ gốc 280.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Ông Nguyễn Ngọc T khởi kiện yêu cầu ông Phạm Văn M và bà Nguyễn Thị L trả 280.000.000 đồng tiền gốc và lãi suất phát sinh là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Trong giấy vay tiền thể hiện địa chỉ của ông M và bà L cư trú tại Thôn S, xã M, huyện C, tỉnh Đắklăk, qua xác minh tại Công an xã M thể hiện ông M và bà L có cư trú tại địa chỉ trên nên căn cứ vào

theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án Tộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện CưMgar, tỉnh Đắklăk.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn ông Phạm Văn M và bà Nguyễn Thị L nhưng ông M và bà L vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về số nợ: Ngày 07/01/2021 ông Phạm Văn M và bà Nguyễn Thị L có vay ông Nguyễn Ngọc T số tiền 280.000.000đ phía dưới mục người vay có chữ viết của ông Phạm Văn M và bà Nguyễn Thị L. Do ông Phạm Văn M và bà Nguyễn Thị L không tham gia tố tụng nên Tòa án đã tiến hành trưng cầu giám định chữ ký và chữ viết của ông M và bà L. Tại kết luận giám định số 17/KLGD-PC09 ngày 21/01/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk đã kết luận chữ viết trong giấy vay tiền bên mục người vay của ông Phạm Văn M và bà Nguyễn Thị L trong giấy vay tiền ngày 07/01/2021 là chữ viết của ông Phạm Văn M và bà Nguyễn Thị L. Như vậy, việc ông Phạm Văn M và bà Nguyễn Thị L ký kết hợp đồng vay số tiền 280.000.000 đồng của ông Nguyễn Ngọc T là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ Luật dân sự năm 2015. Việc ông M và bà L không trả được nợ khi đến hạn như cam kết là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự. Vì vậy, ông T khởi kiện yêu cầu ông M và bà L trả nợ là có căn cứ, do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Phạm Văn M và bà Nguyễn Thị L có trách nhiệm trả nợ cho ông Nguyễn Ngọc T số tiền 280.000.000đ là phù hợp.

[3.2] Về lãi suất: Lãi suất do nguyên đơn và bị đơn tự thỏa thuận theo quy định của pháp luật. Trong quá trình tố tụng, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi suất là 10%/ năm (0,83%/tháng) kể từ ngày vay 07/01/2021 để tính lãi đối với khoản vay 280.000.000 đồng tính đến ngày xét xử. Xét yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận cụ thể lãi suất phát sinh được tính như sau:

- Từ ngày 07/01/2021 đến ngày xét xử 27/01/2022 là:

$280.000.000 \text{ đồng} \times 385 \text{ ngày} \times 0,83\% : 30 = 29.824.000 \text{ đồng (đã làm tròn)}$

Tổng số tiền mà bị đơn ông M và bà L có có trách nhiệm trả cho ông T là là 309.824.000 đồng. Trong đó: nợ gốc là 280.000.000đ, tiền lãi suất phát sinh là 29.824.000 đồng.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 309.824.000 đồng x 5% = 15.491.200 đồng.

Nguyên đơn không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Về chi phí tố tụng khác:

Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên ông Phạm Văn M và bà Nguyễn Thị L phải có nghĩa vụ trả lại cho ông Nguyễn Ngọc T số tiền 5.040.000đ tiền giám định chữ ký chữ viết ông T đã nộp tạm ứng.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 470 của Bộ luật dân sự;

Áp dụng khoản 1 khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc T.

Buộc ông Phạm Văn M và bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Ngọc T số tiền 309.824.000 đồng. Trong đó: nợ gốc là 280.000.000đ, tiền lãi suất phát sinh là 29.824.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

**Về án phí:** Ông Phạm Văn M và bà Nguyễn Thị L phải chịu 15.491.200 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Ngọc T không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền 7.234.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 60AA/2021/0001129 ngày 10/5/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

**Chi phí tố tụng khác:** Ông Phạm Văn M và bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Ngọc T số tiền 5.040.000đ chi phí giám định.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.*

**Nơi nhận:**

- VKS tỉnh; TA tỉnh Đắk Lắk;
- VKS huyện CưM'gar;
- Thi hành án dân sự CưM'gar;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Huyền Diệu**